

[Country-Việt Nam]

[Project Name-Tên dự án - Dự án Giảm nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc giai đoạn 2 tỉnh Yên Bái]

PROCUREMENT PLAN - GOODS AND WORKS for.....

KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU - XÂY LẬP VÀ TRUYỀN THÔNG TỪ THÁNG 02 NĂM 2016

(Date of PP: 22/12/2015; Update No. 2; Date of WB NOL: _____)

(Ngày: 22/12/2015; Cập nhật lần 2; WB's NOL: _____)

Item No	Component Reference as per PAD	Contract Ref. No	Contract Description	Location	Scope of work	No. of benefited households	Plan vs Actual	Estimated Cost (VND equivalent)	Estimated Cost (US\$ equivalent)	Procu. Method	WB Review (Prior/ Post)	Type of Contract	Date of Draft BD to WB	Date of Invitation to Bids	Date of Bid Opening	Bid Evaluation Report	Date of Contract Signing	Date of Contract Completion	Remarks
No	Hợp phần dự án trong PAD	Ký hiệu gói thầu No	Tên gói thầu	Địa điểm	Quy mô	Số hộ hưởng lợi dự kiến	Kế hoạch / Thực tế	Giá dự toán (VND)	Giá dự toán (US\$)	Phương pháp đấu thầu	WB's xem xét (Trước / Sau)	Hình thức hợp đồng	Ngày nộp Hồ sơ mời thầu cho WB	Mời thầu	Mở thầu	Ngày trình Báo cáo đánh giá thầu	Ngày ký hợp đồng	Ngày hoàn thành hợp đồng	Ghi chú
	Tổng cộng						Plan/Kế hoạch	18,857,951,000	887,600										
							Actual/Thực tế												
XÂY LẬP	Hợp phần 1						Plan/Kế hoạch	18,172,951,000	855,359										
							Actual/Thực tế												
I	Hợp phần 1			Huyện Lục Yên			Plan/Kế hoạch	1,346,039,000	63,355										
							Actual/Thực tế												
1	Hợp phần 1	LY.YB-01/2016	Cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi Thôn 3	Xã Mường Lai	14 ha	85 hộ	Plan/Kế hoạch	1,346,039,000	63,355	SH	Sau	Trộn gói		3/2016	4/2016	4/2016	5/2016	9/2016	- Đập đầu mối: Chiều rộng Btr = 6,0m, chiều cao Hđ = 2,2m, tiêu năng bằng bê L = 5,5m, chiều sâu bê d = 0,4m. Kết cấu đập: Thân đập đá xây, đổ bọc bê tông M200 dày 15cm, bê tông nặng L=5,5m, B=6m kết cấu bê tông M200 dày 30cm, bê tông lót M100 dày 5cm. Tường cánh 2 bên đập, sân tiêu năng kết cấu đá xây VM100. - Công lấy nước: Hình thức công hợp mặt cắt chữ nhật, kết cấu BT M200 dày 20cm, đáy nắp BTCT M200 dày 10 cm. - Kênh dẫn: Tổng chiều dài kênh dẫn thiết kế gia cố mới L = 1.401,00m, mặt cắt bnh = 0,3x0,3m, Kết cấu kênh bằng bê tông M200 dày 8cm. - Công trình trên kênh: Gồm tràn xả thừa và công tưới - Giá dự toán là chi phí xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt □
							Actual/Thực tế												
II				Huyện Trạm Tấu			Plan/Kế hoạch	4,755,605,000	223,835										
							Actual/Thực tế												
2	Hợp phần 1	TT.YB-02/2016	Xây dựng mới công trình thủy lợi Tả Bie	Thôn Sáng Pao, xã Xả Hồ	10 ha	134 hộ	Plan/Kế hoạch	2,062,555,000	97,080	SH	Sau	Trộn gói		3/2016	4/2016	4/2016	5/2016	10/2016	- Đập đầu mối: Chiều rộng Btr = 12,40m, chiều cao Hđ = 2,1m, tiêu năng bằng bê tông M200 dày 40cm, chiều dài bê L = 7,0m, chiều sâu bê d = 0,4m. - Công lấy nước: Hình thức công hợp mặt cắt chữ nhật kết cấu BT M200 dày 20cm, đáy nắp BTCT M200 dày 8cm. - Kênh dẫn: Tổng chiều dài kênh dẫn là 1.830,6m, trong đó: chiều dài kênh bê tông L= 1.180,6m mặt cắt bnh = 0,3x0,3m, kết cấu bê tông M200 thành và đáy dày 8cm; Còn lại 650m kênh đất cho nạo vét, mở rộng; - Công trình trên kênh K: Gồm 04 công lấy nước, 01 cầu máng dài L=15,5m. - Giá dự toán là chi phí xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt.
							Actual/Thực tế												
3	Hợp phần 1	TT.YB-03/2016	Cải tạo, nâng cấp đường lên trụ sở xã (đoạn từ Chông Á Sầu đến Đốc Đất Đỏ)	Thôn Xá Nhù, xã Tả Xi Lăng	1,5 km	198 hộ	Plan/Kế hoạch	2,693,050,000	126,756	SH	Sau	Trộn gói		3/2016	4/2016	4/2016	5/2016	10/2016	- Chiều rộng nền đường Bnền = 4,0m, chiều rộng mặt đường Bmặt = 3,0m, những đoạn tuyến có độ dốc dọc I ≥ 6% thiết kế gia cố rãnh dọc bằng bê tông xi măng M150 có chiều dày h = 10cm.; Kết cấu áo đường: Lớp mặt đường bê tông xi măng M250 có chiều dày h = 16cm; Lớp cát đệm có chiều dày h = 5cm; Công trình thoát nước được thiết kế vịnh cứu, tải trọng thiết kế là H13-X60. Thiết kế mới 01 công bản khâu độ L = 0,75m. Công trình phòng hộ: Thiết kế 01 kê taluy âm là kê trong lục bằng bê tông xi măng M150 có chiều cao Htb = 2,5m, chiều dài L = 18,0m, theo định hình 72-06X tải trọng H13-X60. - Giá dự toán là chi phí xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt.
							Actual/Thực tế												
III	Hợp phần 1			Huyện Văn Chấn			Plan/Kế hoạch	2,220,059,000	104,493										
							Actual/Thực tế												
4	Hợp phần 1	VC.YB-04/2016	Cải tạo, nâng cấp đường (từ nhà ông Long đến đình dốc Cướm)	Thôn Khe Bít, xã Minh An	2 km	86 hộ	Plan/Kế hoạch	2,220,059,000	104,493	SH	Sau	Trộn gói		3/2016	4/2016	4/2016	5/2016	10/2016	- Công trình được thiết kế với quy mô xây dựng là đường cấp B giao thông nông thôn theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải: Bnền = 4,0m, Bmặt = 3,0m, rãnh dọc đảo trần tiết diện hình thang kích thước (100+40)/2x40 (cm); Những đoạn tuyến có độ dốc dọc I ≥ 6% thiết kế gia cố rãnh dọc bằng bê tông xi măng M150 có chiều dày h = 10cm.; Thiết kế kết cấu áo đường là áo đường cứng với các lớp kết cấu như sau: Lớp mặt đường bê tông xi măng M250 có chiều dày h = 16cm; Lớp cát đệm có chiều dày h = 5cm; Công trình thoát nước: Tận dụng các công trình thoát nước cũ còn lại trên tuyến (10 công). - Giá dự toán là chi phí xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt □
							Actual/Thực tế												

Item No	Component Reference as per PAD	Contract Ref. No	Contract Description	Location	Scope of work	No. of benefited households	Plan vs Actual	Estimated Cost (VND equivalent)	Estimated Cost (US\$ equivalent)	Procu. Method	WB Review (Prior/ Post)	Type of Contract	Date of Draft BD to WB	Date of Invitation to Bids	Date of Bid Opening	Bid Evaluation Report	Date of Contract Signing	Date of Contract Completion	Remarks	
No	Hợp phần dự án trong PAD	Ký hiệu gói thầu No	Tên gói thầu	Địa điểm	Quy mô	Số hộ hưởng lợi dự kiến	Kế hoạch / Thực tế	Giá dự toán (VND)	Giá dự toán (US\$)	Phương pháp đấu thầu	WB's xem xét (Trước / Sau)	Hình thức hợp đồng	Ngày nộp Hồ sơ mời thầu cho WB	Mời thầu	Mở thầu	Ngày trình Báo cáo đánh giá thầu	Ngày ký hợp đồng	Ngày hoàn thành hợp đồng	Ghi chú	
IV	Hợp phần 1			Huyện Văn Yên			Plan/Kế hoạch	2,674,502,000	125,883											
							Actual/Thực tế													
5	Hợp phần 1	VY.YB-05/2016	Làm mới công trình nước sinh hoạt	Thôn 4, xã Phong Dụ Hạ	100 hộ + 02 nhà văn hóa thôn 4, 5 + 01 điểm trường mầm non	100 hộ + 02 nhà văn hóa thôn 4, 5 + 01 điểm trường mầm non	Plan/Kế hoạch	2,098,662,000	98,779	SH	Sau	Trộn gói	3/2016	4/2016	4/2016	5/2016	9/2016		<ul style="list-style-type: none"> -Đập thu nước đầu mối: Chiều rộng mặt tràn Btr = 4m, chiều cao tới đáy móng = 1,0m, Bề lằng đầu đập gồm hai phần, phần 1 kích thước dài 2,4m; rộng 1,0m; cao từ 0,43m = 0,72m; phần 2 kích thước dài 2,4m; rộng 0,8m; cao từ 0,74m đến 0,76m, có bố trí xả cát, xả cặn ở hạ lưu đập về phía lòng suối. Kết cấu đập bằng bê tông 200#, tẩm đan bê tông cốt thép 200#. - Bê cốt áp kết hợp lọc thô:Khoang lắng, lọc có kích thước abxbh =(1,2x1,3x1,3)m; Khoang chứa có kích thước abxbh = (1,2x1,3x1,0)m. Kết cấu bê tông mác 200#, tẩm đan bê tông cốt thép 200#. -Khu xử lý nước: Bể lắng, lọc, chứa: Kích thước (7,25x3,5x2,83)m; Kết cấu thành bê + đáy bê bằng bê tông cốt thép 200# dày 250; đan nắp bê tông cốt thép 200# dày 80; lót đáy bê tông 100# dày 50. Trát, láng trong bê VXM 100# dày 20, đánh màu xi măng nguyên chất. Sân xung quanh bê đổ bê tông 200# dày 100. - Các điểm lấy nước sử dụng tại hộ gia đình và cơ sở công cộng:Các điểm lấy nước sử dụng tại 103 vị trí, bố trí mỗi vị trí 1 trụ vòi, có lắp van, đồng hồ đo nước, vòi gat D15 và sân rửa 1,21m2; lấy nước sử dụng qua trụ vòi. Hộp van đồng hồ gồm có van điều tiết, đồ hồ lưu lượng, hộp bảo vệ đồng hồ bằng sắt sơn tĩnh điện. Kết cấu trụ vòi + sân rửa bằng bê tông 200#, mặt sân láng VXM 75# dày 20; hộp bảo vệ đồng hồ bê tông 150#. - Hồ van, tuyến ống, biển tên công trình: Tổng số van đầu tuyến : 4 cái (KT 560x560x680). Kết cấu hồ van đổ bê tông 200#, nắp đáy bằng bê tông cốt thép 200#. Tổng chiều dài đường ống dẫn và cấp nước là 6.287,6m (Trong đó ống HDPE từ Ø90- Ø25 là 6.200,6m; ống thép tráng kẽm 87m). Tổng chiều dài đường ống đường ống dẫn vào hộ gia đình HDPE Ø20 là 2.040m. Biển tên công trình (01 cái); Bảng đá granit màu đen, kích thước rộng 0,85m, cao 0,65m, khắc chữ chìm sơn nhũ màu vàng, lắp đặt tại khu xử lý tập trung. - Giá dự toán là chi phí xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt 	
							Actual/Thực tế													
6	Hợp phần 1	VY.YB-06/2016	Cải tạo, nâng cấp thủy lợi Khe Lợ	Xã Viễn Sơn	10 ha	106 hộ	Plan/Kế hoạch	575,840,000	27,103	SH	Sau	Trộn gói	3/2016	4/2016	4/2016	5/2016	9/2016		<ul style="list-style-type: none"> - Đập đầu mối: Đập tràn trong lục mặt cắt hình thang, kết cấu thân đập xây đá M75, bọc mặt bê tông M200 dày 20 cm, chiều rộng đập tràn Btr = 3,0m, chiều cao đập tràn Hđ = 1,35m, tiêu năng sản bê tông M200 dày 30cm, chiều dài sân tiêu năng L = 2,5m, chiều dài sân tiêu năng b = 3m. - Công lấy nước đầu mối: Hình thức công hợp mặt cắt chữ nhật kết cấu BT M200 dày 20cm, đáy nắp BTCT M200 dày 8cm. - Kênh dẫn: Tổng chiều dài kênh dẫn thiết kế gia cố mới L = 731,50m, mặt cắt bxbh = 0,3x0,3m, Kết cấu kênh bằng bê tông M200 dày 8cm. - Giá dự toán là chi phí xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt 	
							Actual/Thực tế													
V	Hợp phần 1			Huyện Mộ Cang Chải			Plan/Kế hoạch	7,176,746,000	337,793											
							Actual/Thực tế													
7	Hợp phần 1	MCC.YB-07/2016	Cải tạo, nâng cấp thủy lợi Mú Cái Hồ	Xã Nậm Có	25 ha	85 hộ	Plan/Kế hoạch	2,252,511,000	106,020	SH	Sau	Trộn gói	3/2016	4/2016	4/2016	5/2016	10/2016		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng chiều dài kênh dẫn gia cố mới bằng bê tông L = 1.257,50m. Kênh được gia cố từ cọc K0-K30, K31-K39; K42-K48. Kết cấu thành kênh, đáy kênh bằng bê tông R200# dày 10cm. Kênh bê tông có mặt cắt hình chữ nhật, kích thước kênh: (b x h)=(0,35x0,35)m; Từ cọc K14-K16 kênh được thiết kế đáy nắp bằng tẩm đan bê tông cốt thép R200# dày 8cm. - Giá dự toán là chi phí xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt 	
							Actual/Thực tế													
8	Hợp phần 1	MCC.YB-08/2016	Cải tạo, nâng cấp đường đi bản Có Mông	Xã Nậm Có	1,9 km	180 hộ	Plan/Kế hoạch	3,015,824,000	141,948	SH	Trước	Trộn gói	3/2016	4/2016	4/2016	5/2016	10/2016		<ul style="list-style-type: none"> - Công trình được thiết kế với quy mô xây dựng là đường cấp b giao thông nông thôn theo Quyết định số 4927/QĐ-ĐC/VT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải: Bên = 4,0m, Bên = 3,0m, rãnh dọc đào tràn tiết diện hình thang kích thước (100+40)/2x40 (cm); Những đoạn tuyến có độ dốc dọc i ≥ 6% thiết kế gia cố rãnh dọc bằng bê tông xi măng M150 có chiều dày h = 10cm.; Thiết kế kết cấu áo đường là áo đường công với các lớp kết như sau: Lớp mặt đường bê tông xi măng M250 có chiều dày h = 16cm; Lớp cát đệm có chiều dày h = 5cm; Công trình thoát nước được thiết kế hình chữ U, tái trong thiết kế là H13-X60. Thiết kế mới 07 cống (Trong đó có 02 cống bán cầu đá L = 0,75m; 04 cống thủy lợi 330 và 01 cống tròn 75). Công trình phòng hộ: Thiết kế 02 kê taluy âm là kê trong lưu bằng bê tông xi măng M150 có chiều cao Htb = 4,0m, chiều dài L = 74,5m, theo định hình 72-06X tái trong H13-X60. - Giá dự toán là chi phí xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt. 	
							Actual/Thực tế													

Item No	Component Reference as per PAD	Contract Ref. No	Contract Description	Location	Scope of work	No. of benefited households	Plan vs Actual	Estimated Cost (VND equivalent)	Estimated Cost (US\$ equivalent)	Procu. Method	WB Review (Prior/ Post)	Type of Contract	Date of Draft BD to WB	Date of Invitation to Bids	Date of Bid Opening	Bid Evaluation Report	Date of Contract Signing	Date of Contract Completion	Remarks
No	Hợp phần dự án trong PAD	Ký hiệu gói thầu No	Tên gói thầu	Địa điểm	Quy mô	Số hộ hưởng lợi dự kiến	Kế hoạch / Thực tế	Giá dự toán (VND)	Giá dự toán (US\$)	Phương pháp đấu thầu	WB's xem xét (Trước / Sau)	Hình thức hợp đồng	Ngày nộp Hồ sơ mời thầu cho WB	Mời thầu	Mở thầu	Ngày trình Báo cáo đánh giá thầu	Ngày ký hợp đồng	Ngày hoàn thành hợp đồng	Ghi chú
9	Hợp phần 1	MCC.YB-09/2016	Cải tạo, nâng cấp đường bản Háng Gàng	Xã Lao Chải	0,41 km	74 hộ	Plan/Kế hoạch	1,908,411,000	89,824	SH	Sau	Trộn gói		3/2016	4/2016	4/2016	5/2016	10/2016	- Công trình được thiết kế với quy mô xây dựng là đường cấp B giao thông nông thôn theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải; Bền = 4,0m, Bmặt = 3,0m, rãnh dọc đảo trần tiết diện hình thang kích thước (100+40)/2x40 (cm); Những đoạn tuyến có độ dốc dọc l ≥ 6% thiết kế gia cố rãnh dọc bằng bê tông xi măng M150 có chiều dày h = 10cm.; Thiết kế kết cấu áo đường là áo đường cứng với các lớp kết cấu như sau: Lớp mặt đường bê tông xi măng M250 có chiều dày h = 16cm; Lớp cát đệm có chiều dày h = 5cm; Công trình thoát nước được thiết kế vịnh cứu, tải trọng thiết kế là H13-X60. Thiết kế mới 01 cầu bản mô nhệ có khẩu độ thoát nước Lo = 6,00m; bề rộng toàn cầu B = 4,50m tại lý trình Km0 + 186,32m. Bản mặt cầu bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ M250, lớp phủ mặt cầu bằng bê tông M300; Thân mố, tường cánh, móng mố, móng tường cánh bằng bê tông M150; Mố mố, thanh giằng chống bằng bê tông cốt thép M200; Lòng cầu gia cố bằng bê tông xi măng M150 dày 16cm trên lớp cát san dày 10cm; Sân cầu gia cố bằng bê tông xi măng M150 dày 16cm, trên lớp cát san dày 10cm; Chân khay sân cầu bằng bê tông M150, có chiều rộng B = 30cm, có chiều sâu H = 150cm. - Giá dự toán là chi phí xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt.
							Actual/Thực tế												
Truyền thông	Hợp phần 3						Plan/Kế hoạch	685,000,000	32,241										
							Actual/Thực tế												
10	Hợp phần 3	HH.YB-01/2016	Xây dựng phòng sự và tin bài truyền thông về dự án tỉnh Yên Bái		12 Phòng sự, tin, bài		Plan/Kế hoạch	285,600,000	13,443	SH	Sau	Trộn gói		2/2016	2/2016	2/2016	3/2016	2/2017	- Thực hiện phỏng sự ngắn từ 8-10 phút mỗi tháng 1 lần nội dung về một số hoạt động nổi bật về sinh kế hoặc cơ sở hạ tầng của dự án diễn ra trong tháng. - Thực hiện tin, bài mỗi tháng 1 lần về một số hoạt động nổi bật về sinh kế diễn ra hàng tháng.
							Actual/Thực tế												
11	Hợp phần 3	HH.YB-02/2016	Bộ tờ treo kế hoạch công việc nhà nông		7.439 bộ		Plan/Kế hoạch	399,400,000	18,799	SH	Sau	Trộn gói		2/2016	2/2016	2/2016	3/2016	4/2016	In tờ treo truyền thông, gồm 5 tờ: - Tờ 1 giới thiệu dự án. - Tờ 2 từ số 2 bắt đầu ghi nội dung cụ thể. Mỗi tờ được chia thành 3 cột. Mỗi cột tương đương với một tháng liệt kê các công việc của nhà nông cần làm theo từng mảng: Chăm nuôi, trồng trọt, Lâm nghiệp và thủy sản,...
							Actual/Thực tế												